

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 03-4-2018.

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M TỈNH CÀ MAU.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Việt Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lê Ngọc Kiều;

Ông Trịnh Hữu Hiệp.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Hồng Nghi, thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐXX-ST ngày 15 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm: 1970 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp 13, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** bà Trần Thị T, sinh năm: 1971 (có mặt).

Địa chỉ: ấp 13, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**-Tại đơn khởi kiện ngày 28/12/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ph trình bày:**

Năm 1991 ông và bà T tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian, nhưng gần đây ông đi biển bà T ở nhà tụ tập bạn bè chơi bài bạc, ăn nhậu gây ra nợ nần ông đã tha thứ nhưng vào tháng 2 năm 2017 âm lịch bà T bỏ nhà đi và chung sống với người đàn ông khác cho đến nay. Ông có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng không được. Nay ông nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, ông không thể tiếp tục chung sống với bà T được nên yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị T.

- Về con chung: có 03 người con chung tên Nguyễn Văn Trọng, sinh năm 1995; Nguyễn Thị Xuyên, sinh năm 1997 và Nguyễn Trí Đại, sinh năm 2002. Đối với Nguyễn Văn Trọng và Nguyễn Thị Xuyên đã trưởng thành có gia đình riêng. Còn đối với Nguyễn Trí Đại hiện đang ở với ông, ông đồng ý nuôi con không yêu cầu bà T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không yêu cầu.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu.

**Tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: thời gian chung sống với ông P đúng như lời ông P trình bày. Ông P yêu cầu ly hôn bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 3 người con chung. Bà đồng ý giao con chung tên Nguyễn Trí Đại, sinh năm 2002, hiện đang chung sống với ông P, cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng. Bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài chung: không yêu cầu.

Về nợ chung: tại phiên tòa, bà xác định thống nhất với lời trình bày của ông P, không yêu cầu về nợ chung.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: ông P yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với bà T, cư trú tại ấp 13, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau. Yêu cầu của ông P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M.

[2] Về nội dung: Ông P và bà T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, ông P yêu cầu được ly hôn với bà T, tại phiên tòa bà T cũng đồng ý ly hôn. Do ông P và bà T không đăng ký kết hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận ông P với bà T là vợ chồng.

[3] Về con chung: có 03 người con chung tên Nguyễn Văn Trọng, sinh năm 1995; Nguyễn Thị Xuyên, sinh năm 1997 và Nguyễn Trí Đại, sinh năm 2002. Đối với Nguyễn Văn Trọng và Nguyễn Thị Xuyên đã trưởng thành có gia đình riêng nên không xem xét. Còn đối với Nguyễn Trí Đại hiện đang chung sống với ông P, bà T đồng ý giao con chung ông P nuôi dưỡng, do đó giao con chung tên Nguyễn Trí Đại, sinh năm 2002 cho ông Nguyễn Văn Ph nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Bà T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Nợ chung: Tại phiên tòa bà T và ông P xác định không có nợ chung, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không công nhận ông Nguyễn Văn Ph và bà Trần Thị T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trí Đại, sinh năm 2002 cho ông Nguyễn Văn Ph nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Bà T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Tài sản chung: không yêu cầu nên không xem xét.

- Nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

3. Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Văn Ph phải chịu 300.000 đồng, ông P đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0011751 ngày 28 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M được chuyển thu án phí.

4. Ông Nguyễn Văn Ph, bà Trần Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

### Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện M, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án DS huyện M, tỉnh Cà Mau;
- Lưu:Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**